

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

# ĐIỀU LỆ

## TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Ban hành ngày 15 và 16 tháng 6 năm 2009  
Sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất ngày 20 tháng 9 năm 2010  
Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai ngày 18 tháng 9 năm 2012

SAO Y BẢN CHÍNH  
Ngày...7...tháng...8...năm...2015



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Thị Nga*

Hà Nội, tháng 9 năm 2012



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam**

---

MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	1
CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....	4
Điều 1. Định nghĩa .....	4
Điều 2. Tên, địa chỉ và thời gian hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Phạm vi, mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh.....	7
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành Công ty .....	9
Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Công ty mẹ đối với Công ty thành viên .....	9
CHƯƠNG II - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 6. Vốn Điều lệ.....	10
Điều 7. Cổ phần.....	10
Điều 8. Cổ phiếu.....	10
Điều 9. Sổ đăng ký Cổ đông.....	10
Điều 10. Chào bán, chuyển nhượng Cổ phần.....	11
Điều 11. Thừa kế Cổ phần.....	13
Điều 12. Cổ đông.....	14
Điều 13. Quyền hạn, nghĩa vụ của Cổ đông Công ty.....	14
Điều 14. Cổ đông chiến lược.....	16
Điều 15. Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông .....	16
CHƯƠNG III - CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT .....	17
Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty như sau:.....	17
MỤC I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	17
Điều 17. Đại hội đồng Cổ đông của Intimex.....	17
Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Quyền dự họp ĐHĐCĐ .....	20
Điều 20. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ .....	21
Điều 21. Thẻ thức tiến hành họp, biểu quyết và thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông .....	22

Điều 23.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.....	23
Điều 24.	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ.....	23
MỤC II.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 25.	Thành phần và nhiệm kỳ.....	24
Điều 26.	Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.....	24
Điều 27.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 28.	Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT.....	27
Điều 29.	Đề cử thành viên HĐQT.....	27
Điều 30.	Bầu thành viên HĐQT.....	28
Điều 31.	Miễn nhiệm, bãi miễn và bổ sung thành viên HĐQT.....	28
Điều 32.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 33.	Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	30
Điều 34.	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT.....	30
MỤC III.	BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....	30
Điều 35.	Tổng giám đốc.....	30
Điều 36.	Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc.....	30
Điều 37.	Quyền hạn, nhiệm vụ của Tổng giám đốc.....	31
MỤC IV.	BAN KIỂM SOÁT.....	32
Điều 38.	Thành phần và nhiệm kỳ của BKS.....	32
Điều 39.	Quyền hạn, nhiệm vụ và nghĩa vụ của BKS.....	33
Điều 40.	Quyền được cung cấp thông tin của BKS.....	35
Điều 41.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng BKS.....	35
Điều 42.	Miễn nhiệm, bãi miễn thành viên BKS.....	35
Điều 43.	Trình báo cáo hàng năm.....	36
CHƯƠNG IV -	QUY ĐỊNH VỀ THÙ LAO VÀ NGHĨA VỤ THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	36
Điều 44.	Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, BKS.....	36
Điều 45.	Các hợp đồng phải được ĐHĐCĐ, HĐQT chấp thuận.....	37
Điều 46.	Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.....	37
CHƯƠNG V -	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	38
Điều 47.	Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 48.	Trích lập các quỹ.....	38

Điều 49. Cổ tức.....	38
Điều 50. Năm tài chính và báo cáo tài chính của Công ty.....	38
Điều 51. Hệ thống kế toán.....	39
CHƯƠNG VI - GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY .....	39
Điều 52. Giải thể Công ty.....	39
Điều 53. Phá sản Công ty .....	39
CHƯƠNG VII - NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC .....	39
Điều 54. Công khai thông tin về Công ty.....	39
Điều 55. Người lao động, Tổ chức Đảng, Công Đoàn và các TCXH khác .....	39
CHƯƠNG VIII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	40
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	40
CHƯƠNG IX - SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 57. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.....	40
CHƯƠNG X - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....	41
Điều 58. Điều khoản thi hành.....	41

Handwritten signature and initials, possibly including a checkmark and the letters 'Ch'.

# ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

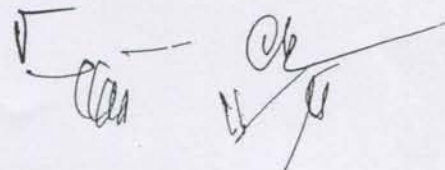
### CĂN CỨ:

1. Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt nam;
2. Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp; và các văn bản pháp luật có liên quan;
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Intimex Việt Nam ngày 20 tháng 9 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
4. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam ngày 23 tháng 7 năm 2011 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
5. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam ngày 18 tháng 9 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

## CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này có quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu thống nhất như sau:
  - a) "**BKS**" được hiểu là Ban Kiểm soát của Công ty.
  - b) "**ĐHĐCĐ**" được hiểu là Đại hội đồng cổ đông của Công ty, gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết.
  - c) "**HDQT**" được hiểu là Hội đồng quản trị của Công ty.
  - d) "**Công ty**" hoặc "**Công ty mẹ**" được hiểu là Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.
  - e) "**Công ty con**" được hiểu là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công ty (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số Cổ phần phổ thông đã phát hành, (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên hội đồng quản trị và (tổng) giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó.
  - f) "**Công ty liên kết**" được hiểu là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công ty có Cổ phần, hoặc vốn góp không chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty Cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh với nước ngoài.



- g) “**Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối**” được hiểu là Cổ phần hoặc vốn góp của Công ty mẹ chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số Cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty con;
- h) “**Công ty thành viên**” được hiểu là các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trong đó có phần vốn góp của Công ty.
- i) “**Góp vốn**” được hiểu là việc đưa tài sản vào Công ty để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của Công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ Công ty do thành viên góp để tạo thành vốn của Công ty.
- j) “**Phần vốn góp**” được hiểu là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu chung của Công ty góp vào vốn điều lệ.
- k) “**Vốn điều lệ**” được hiểu là số vốn do tất cả các Cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định được quy định tại Điều 6 của Điều lệ Công ty.
- l) “**Cổ phần**” được hiểu là các phần được chia đều nhau từ vốn Điều lệ của Công ty.<sup>1</sup>
- m) “**Giá thị trường của Cổ phần**” được hiểu là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.
- n) “**Cổ phiếu**” được hiểu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của Cổ đông tại Công ty.
- o) “**Cổ tức**” được hiểu là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- p) “**Cổ đông**” được hiểu là cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu ít nhất một Cổ phần đã phát hành của Công ty.
- q) “**Cấp có thẩm quyền**” được hiểu là ĐHĐCĐ hoặc HĐQT Công ty tùy từng trường hợp cụ thể.
- r) “**Điều lệ**” được hiểu là Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty được ĐHĐCĐ Công ty thông qua hợp lệ.
- s) “**Người có liên quan**” được hiểu là tổ chức, cá nhân như quy tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp.

<sup>1</sup> Điều 77.1.a Luật Doanh nghiệp.

- t) “*Người đại diện theo uỷ quyền*” được hiểu là cá nhân được Cổ đông là tổ chức của Công ty uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền của Cổ đông đó tại Công ty theo quy định của Pháp luật.
- u) “*Người quản lý doanh nghiệp*” được hiểu là chủ sở hữu, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty.
- v) “*Ngày thành lập*” được hiểu là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên sau khi Cổ phần hóa.
- w) “*Luật doanh nghiệp*” được hiểu là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- x) “*Pháp luật*” được hiểu là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật có liên quan được ban hành, công bố và áp dụng đối với Công ty tại từng thời điểm.
2. Nguyên tắc giải thích
- a) Trong Điều lệ này, tham chiếu nào tới điều khoản hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.
- b) Các tiêu đề của Điều lệ này được sử dụng chỉ để thuận tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích và nội dung của các điều khoản đó.
- c) Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào được quy định tại Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **Điều 2. Tên, địa chỉ và thời gian hoạt động của Công ty**

### **1. Tên Công ty:**

- Tên Công ty bằng tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM**

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

**VIETNAM INTIMEX JOINT STOCK CORPORATION**

- Tên giao dịch viết tắt: **INTIMEX**

### **2. Trụ sở chính của Công ty:**

Trụ sở chính : 96 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại : (84- 4) 39424 247; 39424 565

Fax : (84- 4) 39424 250

Website : <http://www.intimexco.com>

Email : [info@intimexco.com](mailto:info@intimexco.com) hoặc [intimex@hn.vnn.vn](mailto:intimex@hn.vnn.vn)

### Điều 3. Phạm vi, mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

#### 1. Phạm vi hoạt động:

Công ty hoạt động trên phạm vi toàn bộ lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc công ty con ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật Việt Nam và nước sở tại.

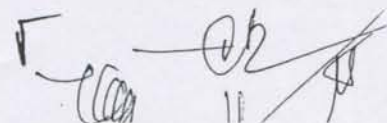
#### 2. Mục tiêu hoạt động:

- Phát triển bền vững Công ty theo mô hình Tổng công ty với ngành nghề truyền thống.
- Không ngừng nâng cao lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
- Nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ ngân sách với nhà nước, góp phần ổn định kinh tế xã hội.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- (i) Hoạt động vui chơi giải trí khác (trừ loại hình vui chơi, giải trí Nhà nước cấm);
- (ii) Dịch vụ đóng gói;
- (iii) Hoạt động kinh doanh bất động sản;
- (iv) Dịch vụ ăn uống;
- (v) Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- (vi) Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- (vii) Bán lẻ hình thức khác (trừ bán lẻ tại cửa hàng, lưu động hoặc tại chợ);
- (viii) Bán lẻ lưu động hoặc bán tại chợ;
- (ix) Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- (x) Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- (xi) Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- (xii) Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại Nhà nước cấm);
- (xiii) Bán lẻ thiết bị gia đình khác trong các cửa hàng chuyên doanh;





- (xiv) Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- (xv) Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá nội, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- (xvi) Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- (xvii) Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- (xviii) Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- (xix) Bán ô tô và xe có động cơ khác;
- (xx) Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- (xxi) Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- (xxii) Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- (xxiii) Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- (xxiv) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- (xxv) Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- (xxvi) Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- (xxvii) Nuôi trồng thủy sản biển;
- (xxviii) Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh;
- (xxix) Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- (xxx) Sản xuất, gia công, lắp ráp xe máy và các phụ tùng xe máy;
- (xxxi) Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước;
- (xxxii) Dịch vụ chuyển khẩu, chuyển tải hàng hóa;
- (xxxiii) Kinh doanh khách sạn, nhà ở, cho thuê văn phòng, cửa hàng, kho bãi;
- (xxxiv) Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- (xxxv) Kinh doanh dịch vụ viễn thông (không bao gồm thiết lập mạng);
- (xxxvi) Kinh doanh phương tiện vận tải (ô tô, xe máy);
- (xxxvii) Mua bán đá quý, thuốc lá nội, thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, giống thủy hải sản, phân bón các loại;

Handwritten signature and stamp in the bottom right corner of the page.

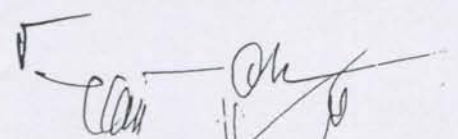
- (xxxviii) Kinh doanh nguyên liệu, vật liệu xây dựng, sắt thép, trang thiết bị y tế;
- (xxxix) Nuôi trồng giống thủy, hải sản;
- (xl) Kinh doanh, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, thủy, hải sản, thủ công mỹ nghệ;
- (xli) Kinh doanh dịch vụ siêu thị;
- (xlii) Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật.
- b) HĐQT quyết định việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp quy định Pháp luật và nhu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.

#### **Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành Công ty**

1. Công ty hoạt động theo mô hình “Công ty mẹ - Công ty con” trong đó Công ty là Công ty mẹ.
2. Công ty được tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng Pháp luật.
3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ.
4. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra và miễn nhiệm.
5. BKS là cơ quan kiểm soát các hoạt động của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra và miễn nhiệm.
6. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
7. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê, là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Công ty mẹ đối với Công ty thành viên**

1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của Công ty thành viên, Công ty mẹ sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu hoặc Cổ đông trong quan hệ theo quy định tương ứng của Luật doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và Điều lệ của Công ty.
2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty mẹ và Công ty thành viên đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Công ty mẹ quản lý vốn góp của mình thông qua các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ, Quy chế quản lý



hoạt động của người đại diện quản lý vốn của Công ty mẹ tại Công ty thành viên và các quy định khác của Công ty.

## CHƯƠNG II - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

### Điều 6. Vốn Điều lệ

1. Vốn Điều lệ là : 250.000.000.000 VND (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
2. Tăng giảm vốn Điều lệ:
  - a) Việc điều chỉnh tăng, giảm vốn Điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
  - b) Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

### Điều 7. Cổ phần

1. Cổ phần của Công ty là Cổ phần phổ thông.
2. Mệnh giá mỗi Cổ phần là 10.000 (Mười nghìn) đồng Việt Nam.

### Điều 8. Cổ phiếu<sup>2</sup>

1. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Nội dung cổ phiếu phải theo quy định tại Điều 85 Luật doanh nghiệp.
2. Đối với những Cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại Công ty chứng khoán hoặc mua cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì quyền sở hữu đối với cổ phiếu của Công ty được xác nhận theo quy định pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy... thì Cổ đông được đề nghị Công ty cấp lại Cổ phiếu và Cổ đông phải thanh toán phí cấp lại Cổ phiếu theo quy định của Công ty. Việc đề nghị cấp lại Cổ phiếu của Cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Doanh nghiệp.

### Điều 9. Sổ đăng ký Cổ đông

1. Sổ đăng ký Cổ đông được lập ngay sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Nội dung sổ đăng ký cổ đông:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, fax của Công ty;

<sup>2</sup> Điều 85 Luật Doanh nghiệp.

- b) Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần và số Cổ phần được quyền chào bán mỗi loại; Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ phần đã góp;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức;
  - d) Số lượng, giá trị từng loại Cổ phần của mỗi Cổ đông đã mua, ngày đăng ký Cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán tùy theo quyết định của HĐQT. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
  4. Cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số Cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu số Cổ phần đó.

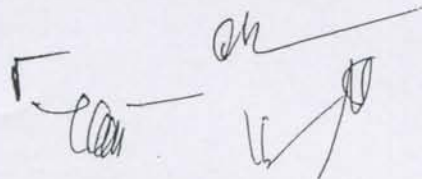
#### **Điều 10. Chào bán, chuyển nhượng Cổ phần<sup>3</sup>**

1. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần trong số Cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị Cổ phần được ghi trong sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau:
  - a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập.
  - b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
  - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
  - d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định.
2. Trường hợp Công ty phát hành thêm Cổ phần phổ thông và chào bán số Cổ phần đó cho tất cả Cổ đông phổ thông theo tỷ lệ nắm giữ Cổ phần hiện có của họ tại Công ty, thì phải thực hiện theo quy định sau:

<sup>3</sup> Điều 87 Luật Doanh nghiệp.

- a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các Cổ đông và được đăng trong ba số báo liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;
  - b) Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau: Tổng số Cổ phần dự kiến phát hành, tỷ lệ Cổ phần được mua, giá chào bán, thời hạn đăng ký mua, thời hạn nộp tiền; họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn thông báo phải đủ để Cổ đông đăng ký mua và nộp tiền, kèm theo thông báo phải có mẫu đăng ký mua do Công ty phát hành;
  - c) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì Cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua.
  - d) Trường hợp không bán hết số lượng cổ phần dự kiến phát hành thì số còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý và quyết định việc phân phối.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
  4. Các loại Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng trừ những trường hợp bị hạn chế theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này. Việc chuyển nhượng Cổ phần phải thực hiện theo đúng quy trình chuyển nhượng do Công ty ban hành, phù hợp với các quy định của Pháp luật có liên quan.
  5. Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty:<sup>4</sup>
    - a) Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số Cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần ưu đãi có tức đã bán theo quy định sau đây:
      - (i) HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định.
      - (ii) HĐQT quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại mục b) khoản 6 Điều này.
    - b) Công ty có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ đang nắm giữ. Trong trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại,

<sup>4</sup> Điều 91 Luật Doanh nghiệp 2005.



hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho Công ty;

- c) Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi chào bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có đầy đủ các thông tin về Cổ phần, Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 91 Luật doanh nghiệp.
6. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông:
- a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ, có quyền yêu cầu Công ty mua lại số Cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại Cổ phần phải bằng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;
  - b) Công ty phải mua lại Cổ phần của Cổ đông theo giá thị trường trên nguyên tắc thoả thuận; Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán Cổ phần cho người khác hoặc Công ty mua lại theo giá trung bình của ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp do Công ty giới thiệu và được HĐQT Công ty phê duyệt.
7. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại:
- a) Công ty chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại khoản 5 và 6 của Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác;
  - b) Cổ phần mua lại theo quy định tại khoản 5 và 6 của Điều này được coi là Cổ phần thu về và thuộc số Cổ phần được quyền chào bán;
  - c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ cho Cổ đông.
  - d) Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán gần nhất giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.

#### Điều 11. Thừa kế Cổ phần

1. Việc thừa kế Cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật về thừa kế và các quy định khác có liên quan.
2. Trường hợp Cổ đông bị chết, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ số Cổ phần của người đã mất:
  - a) Người thừa kế duy nhất theo quy định Pháp luật;



- b) Trường hợp có nhiều người cùng được quyền thừa kế hợp pháp thì phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng theo đúng quy định của Pháp luật;
  - c) Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.
3. Người được thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành Cổ đông mới theo quy định của Công ty. Kể từ thời điểm thông tin của người thừa kế được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty thì người thừa kế trở thành Cổ đông của Công ty và được hưởng mọi quyền lợi cũng như có trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của Cổ đông mà họ được thừa kế.
  4. Cổ phần của các thành viên HĐQT, BKS và các cán bộ quản lý khác cũng được thừa kế, nhưng người thừa kế quyền sở hữu Cổ phần đó không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, BKS và các chức danh quản lý tương ứng khác trong Công ty của Cổ đông mà họ thừa kế.
  5. Trường hợp Cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể thì tổ chức/pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của Cổ đông cũ phải gửi cho HĐQT của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc thừa kế và văn bản cử người đại diện.
  6. Trường hợp Cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, Cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Pháp luật.

## Điều 12. Cổ đông<sup>5</sup>

1. Công ty phải có tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa Cổ đông. Cổ đông của Công ty có thể là tổ chức, cá nhân.
2. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty; và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.

## Điều 13. Quyền hạn, nghĩa vụ của Cổ đông Công ty<sup>6</sup>

1. Người sở hữu Cổ phần phổ thông gọi là Cổ đông phổ thông. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
  - a) Tham dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền, tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Mỗi Cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận Cổ tức với mức theo quyết định của ĐHCĐ;

<sup>5</sup> Khoản 1 Điều 77 Luật Doanh nghiệp.

<sup>6</sup> Điều 79 Luật Doanh nghiệp.

- c) Tự do chuyển nhượng các Cổ phần theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ những trường hợp bị hạn chế theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này;
  - d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - e) Được yêu cầu Công ty trích lục các thông tin liên quan đến chính mình trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết. Được quyền yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác bằng văn bản;
  - f) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản tương ứng với tỷ lệ Cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với các khoản nợ, Cổ phần ưu đãi và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
  - g) Yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;
  - h) Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số Cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
- a) Đề cử người vào HĐQT và BKS theo các quy định tại Điều 29 và Điều 38 của Điều lệ này;
  - b) Xem xét, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;
  - c) Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khi:
    - (i) HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền Cổ đơ.g, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
    - (ii) Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá sáu (06) tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.
  - d) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
3. Nghĩa vụ của Cổ đông:



- a) Tuân thủ các quy định của Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết và quyết định của HĐQT;
- b) Thanh toán đầy đủ tiền mua Cổ phần theo số lượng Cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số Cổ phần đã đóng góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần;
- c) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định Pháp luật khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - (i) Vi phạm pháp luật;
  - (ii) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - (iii) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;
- d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ Công ty.

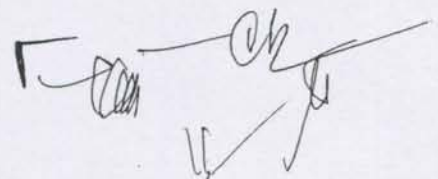
#### **Điều 14. Cổ đông chiến lược**

1. Cổ đông chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp; chuyên giao công nghệ mới, cung ứng nguyên vật liệu, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp.
2. Cổ đông chiến lược của Công ty do HĐQT của Công ty quyết định lựa chọn theo nguyên tắc nhà đầu tư chiến lược là đối tượng được ưu tiên lựa chọn.

#### **Điều 15. Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông<sup>7</sup>**

1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

<sup>7</sup> Điều 96 Luật Doanh nghiệp.



- a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
  - b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
  - d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
  - e) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
  - f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
2. Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

### CHƯƠNG III - CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

**Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty như sau:**

1. ĐHĐCĐ
2. HĐQT
3. BKS
4. Tổng giám đốc
5. Các cơ quan quản lý của Công ty sẽ hoạt động với sự hỗ trợ của bộ máy giúp việc bao gồm các Ban/Phòng, chi nhánh và đơn vị trực thuộc, các Công ty con theo quyết định của Cấp có thẩm quyền tại từng thời điểm.
6. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động.

#### MỤC I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

**Điều 17. Đại hội đồng Cổ đông của Intimex**

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

- b) Quyết định loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức Cổ tức hằng năm của từng loại Cổ phần;
- c) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số Cổ phần của Công ty đã bán của mỗi loại.
- h) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- i) Chấp thuận việc Công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp;<sup>8</sup>
- j) Thông qua tổng mức thù lao của HĐQT, BKS;<sup>9</sup>
- k) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này.

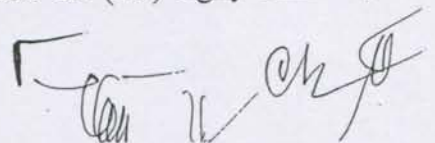
**Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông**

1. ĐHĐCĐ bao gồm ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường.
2. ĐHĐCĐ thường niên:
  - a) ĐHĐCĐ thường niên do HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT triệu tập và tổ chức ít nhất mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng hoặc không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính tại một địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam do HĐQT quyết định tùy từng thời điểm.
  - b) ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
    - i. Báo cáo tài chính hằng năm;
    - ii. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
    - iii. Báo cáo của Ban kiểm soát;
    - iv. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
    - v. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. ĐHĐCĐ bất thường:
  - a) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
    - i. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

<sup>8</sup> Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

<sup>9</sup> Điểm a khoản 2 Điều 117 và Khoản 1 Điều 125 Luật Doanh nghiệp.

- ii. Khi số lượng thành viên của HĐQT ít hơn số lượng mà Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định;
  - iii. Theo yêu cầu bằng văn bản của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông như quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này;
  - iv. Theo yêu cầu của BKS khi có bằng chứng về việc các thành viên HĐQT hoặc các cán bộ quản lý của công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như tiết ii, điểm a Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu như tiết iii, điểm a Khoản 3 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- c) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp BKS không triệu tập, thì Trường BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
- d) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ đã yêu cầu, có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định, khi đó có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành cuộc họp.
- e) Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản này sẽ được Công ty hoàn lại cho người tổ chức.
4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- a) Lập Danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 98 Luật Doanh nghiệp.
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp; xác định thời gian, địa điểm họp theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ Công ty;
  - c) Thông báo bằng văn bản cho tất cả các Cổ đông về việc tổ chức ĐHĐCĐ. Nội dung thông báo phải có đầy đủ những thông tin sau:
    - (i) Chương trình Đại hội;
    - (ii) Những vấn đề sẽ được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội;Thông báo về Đại hội phải được gửi trước ngày Đại hội ít nhất là năm (05) ngày tính từ ngày dự kiến khai mạc.
5. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông như quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bằng văn bản và gửi cho Công ty trước ba (03) ngày làm việc



- trước khi tiến hành Đại hội. Ngoài những nội dung đề xuất, văn bản phải ghi rõ họ, tên Cổ đông, số lượng và loại Cổ phần nắm giữ.
6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất quy định tại khoản 3 Điều này, nếu:
- Đề xuất không đủ những thông tin cần thiết;
  - Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
  - Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ trên mười phần trăm (10%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian sáu tháng (06) tháng liên tục trở lên;
  - Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua.

### Điều 19. Quyền dự họp ĐHĐCĐ

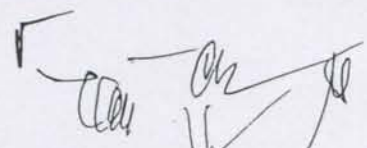
- Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ là cá nhân có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho một đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền được thực hiện các quyền của Cổ đông theo đúng các nội dung được uỷ quyền. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.
- Việc uỷ quyền cho người khác đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản theo mẫu uỷ quyền của Công ty và phải có chữ ký theo quy định của Pháp luật. Người được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
- Trường hợp Cổ đông là pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của Cổ đông, thì Cổ đông này phải gửi cho HĐQT các tài liệu pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất, thừa kế để HĐQT quyết định về Cổ đông, cổ phiếu, Cổ phần và người đại diện theo quy định của Pháp luật.
- Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.
- Các trường hợp trên sẽ không có hiệu lực nếu Công ty được thông báo về một trong các trường hợp trên tối thiểu là hai mươi bốn (24) giờ trước khi triệu tập hoặc triệu tập lại ĐHĐCĐ.

## **Điều 20. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ**

1. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa để chủ trì ĐHĐCĐ. Nếu Chủ tịch vắng mặt thì Chủ tịch HĐQT được uỷ quyền cho Thành viên HĐQT khác làm chủ tọa ĐHĐCĐ.
2. ĐHĐCĐ chỉ được tiến hành khi số lượng Cổ đông hoặc người được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ đại diện ít nhất từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số lượng tham dự cần thiết, ĐHĐCĐ phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Đại hội triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông hoặc người đại diện tham dự ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.
4. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Đại hội lần thứ ba phải được tiến hành trong thời gian 20 ngày kể từ ngày dự định Đại hội lần thứ 2. Đại hội lần thứ 3 với bất kỳ số lượng Cổ đông hoặc người được uỷ quyền tham dự cũng đều hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề được đưa ra thảo luận và thông qua tại Đại hội.

## **Điều 21. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết và thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp ĐHĐCĐ cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc Người đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết có ghi số đăng ký, họ, tên Cổ đông, Người đại diện theo uỷ quyền. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Cổ đông đến muộn vẫn được quyền tham dự Đại hội, nhưng chỉ được tham gia thảo luận và biểu quyết những vấn đề mà Đại hội chưa biểu quyết.
4. Chủ tọa có quyền cao nhất quyết định về trình tự, thủ tục Đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội.
5. Chủ tọa có quyền hoãn họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời gian khác hoặc thay đổi địa điểm khác trong các trường hợp sau đây:
  - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả mọi người dự họp;



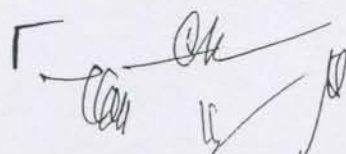
- b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

6. Chủ tọa hoặc thư ký ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
7. Chủ tọa và thư ký họp ĐHĐCĐ có quyền:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp tuân thủ sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
8. Biểu quyết tại cuộc họp:
- a) Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua, trừ các trường hợp quy định tại khoản b) Điều này, khi được ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự Đại hội hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ nhất trí.
- b) Các nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc (i) sửa đổi, bổ sung Điều lệ, (ii) số lượng và các loại Cổ phần chào bán, (iii) việc sáp nhập, giải thể Công ty, (iv) đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được ít nhất từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết tham dự ĐHĐCĐ chấp thuận.
- c) Các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
9. Chủ tọa ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các văn bản của ĐHĐCĐ: Các biên bản Đại hội, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông tham dự và các giấy uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có những nội dung sau:



- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b) Thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ;
  - c) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và thư ký ĐHĐCĐ;
  - d) Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.
  - h) Các quyết định đã được thông qua.
  - i) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được làm xong và thông qua trước khi tuyên bố bế mạc cuộc họp;
2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của nội dung biên bản;
  3. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào, nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong trường hợp này sẽ được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện cho ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
2. Trình tự, thủ tục để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ theo thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thực hiện phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp.

**Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông, thành



viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ không thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;
- b) Trình tự, thủ tục ra quyết định, nội dung, quyết định vi phạm Điều lệ công ty và Pháp luật.

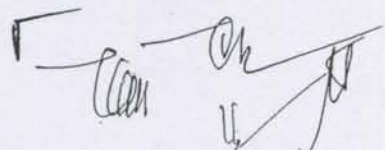
## MỤC II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ

1. HĐQT Công ty có 05 (năm) thành viên, trong đó có 01 (một) Chủ tịch và các thành viên.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Công ty là 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
4. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

### Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

1. HĐQT của Công ty là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT:
  - a) HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
  - b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - c) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;
  - d) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e) Kiến nghị loại Cổ phần và tổng số Cổ phần, giá Cổ phần được quyền chào bán;



- f) Quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác theo quy định của Pháp luật; quyết định giá chào bán trái phiếu của Công ty;
- g) Quyết định mua lại hoặc thu hồi và giá mua lại cổ phần của từng loại Cổ phần của Công ty với số lượng không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng;
- h) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành, quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện và các phòng/ ban/ đơn vị khác của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và người quản lý quan trọng khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ; quyết định mức lương và lợi ích khác của các chức danh này;
- j) Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác và quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- k) Quyết định việc thành lập, giải thể, thay đổi, cổ phần hóa các công ty con và/hoặc đơn vị thành viên của Công ty; quyết định tỷ lệ vốn góp do Công ty nắm giữ tại các Công ty con, đơn vị thành viên và các doanh nghiệp khác mà Công ty góp vốn, mua cổ phần; và các thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của Công ty;
- l) Quyết định niêm yết cổ phiếu của Công ty, Công ty thành viên và Công ty con trên thị trường chứng khoán;
- m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh;
- o) Xác định các mục tiêu và chiến lược hoạt động của công ty trên cơ sở các mục tiêu và chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- p) Phê duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- r) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

## Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên để bầu ra Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm Tổng giám đốc của Công ty.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT do Điều lệ Công ty quy định phù hợp với Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:
  - a) Lập chương trình, nội dung, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
  - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp HĐQT;
  - c) Tổ chức việc thông qua các quyết định của HĐQT dưới hình thức thông tin;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
  - e) Chủ tọa các cuộc họp ĐHCĐ thường niên hoặc bất thường;
  - f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với các chức danh: Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Chi nhánh/ Công ty con, các Giám đốc/ Phó Giám đốc, Trưởng/ Phó Phòng/ Ban trực thuộc Công ty và người quản lý khác theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ;
  - g) Quyết định việc định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải bằng tiền khi Công ty phát hành Cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi;
  - h) Quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các Hợp đồng của Công ty, trừ những Hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ và HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
  - i) Quyết định khiếu nại và lựa chọn đại diện của Công ty để tiến hành các thủ tục pháp lý khi khiếu nại (nếu có); Kể cả việc chỉ định, bãi nhiệm đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
  - j) Quyết định kiểm toán và lựa chọn đơn vị kiểm toán;
  - k) Thành lập và quyết định tổ chức hoạt động của Hội đồng lương thưởng và các vấn đề có liên quan;
  - l) Bất kỳ vấn đề nào khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần thiết phải quyết định vì lợi ích Công ty trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của Pháp luật, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ và HĐQT quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;
  - m) Có các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt, thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch HĐQT

- không có khả năng làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Khi Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn thì HĐQT phải bầu người thay thế trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

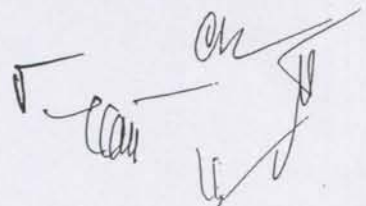
**Điều 28. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên.
2. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết
3. Là Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm phần trăm (05%) tổng số Cổ phần phổ thông và/hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty theo quyết định của HĐQT tại từng thời điểm.
4. Có đủ năng lực hành vi dân sự;
5. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

**Điều 29. Đề cử thành viên HĐQT**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử người để bầu vào HĐQT.
2. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.



**Điều 30. Bầu thành viên HĐQT**

1. ĐHĐCĐ bầu trực tiếp thành viên HĐQT bằng thẻ thức bỏ phiếu kín.
2. Người được trúng cử là thành viên của HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Trường hợp có thành viên HĐQT được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

**Điều 31. Miễn nhiệm, bãi miễn và bổ sung thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm vụ trong các trường hợp sau:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này;
  - b) Xin từ nhiệm bằng văn bản, được HĐQT chấp thuận;
  - c) Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
  - d) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
2. Trường hợp số thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với tổng số thành viên đã quy định tại Điều lệ Công ty, thì HĐQT/Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên HĐQT.
3. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên HĐQT đã bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

**Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc

- bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì một người trong số các thành viên đã được bầu theo nguyên tắc đa số triệu tập họp HĐQT.
2. Mỗi quý ít nhất phải họp HĐQT một lần theo định kỳ, trường hợp cần thiết có thể họp bất thường. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch triệu tập bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
  3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi có một trong các trường hợp sau:
    - a) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên HĐQT.
    - b) Có đề nghị của BKS;
  4. Đề nghị phải được lập thành văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận; quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
  5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này.
  6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo họp cho các thành viên HĐQT về thời gian, địa điểm, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, chậm nhất trong vòng 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.
  7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu có liên quan đến các thành viên BKS, Tổng giám đốc. Thành viên BKS, Tổng giám đốc có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.
  8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành theo quy định của Pháp luật. Quyết định của HĐQT được thông qua và có hiệu lực thi hành khi được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
  9. Thành viên HĐQT không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu kín gửi đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp và chỉ được mở ra trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
  10. Thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc các vấn đề mà thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Thành viên HĐQT liên quan đến hợp đồng, giao dịch như quy định tại khoản 1 điều 120 Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch đó.
- Hợp dự thính: HĐQT có thể mời một số cán bộ quản lý của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba tham dự họp HĐQT. Những người được mời họp dự thính không có quyền biểu quyết.

**Điều 33. Biên bản họp Hội đồng Quản trị**

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài và có giá trị pháp lý như nhau.
2. Biên bản phải có những nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp luật.
3. Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**Điều 34. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT khi cần thiết có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, lãnh đạo các phòng chức năng và lãnh đạo các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, kinh doanh, sản xuất của đơn vị.
2. Các cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, trung thực, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

**MỤC III. BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

**Điều 35. Tổng giám đốc**

1. HĐQT bổ nhiệm một người trong số thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Giám đốc chuyên môn, Trưởng/Phó các phòng ban chức năng; Giám đốc/Phó giám đốc các Chi nhánh/Công ty con/ Đơn vị trực thuộc của Công ty.

**Điều 36. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc**

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo Điều 13 Luật Doanh nghiệp, có thể không phải là Cổ đông của Công ty;
2. Có trình độ đại học trở lên, chuyên môn phù hợp với hoạt động của Công ty, có năng lực điều hành, kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp;
3. Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và tôn trọng pháp luật;
4. Có sức khỏe đáp ứng được công việc;

5. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của bất kỳ một doanh nghiệp khác.

**Điều 37. Quyền hạn, nhiệm vụ của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao phù hợp với quy định của Điều lệ, các Quy chế Công ty và nội dung phân quyền, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.
2. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:
  - a) Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
  - b) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm và phương án đầu tư theo quyết định của HĐQT hoặc ĐHCĐ của Công ty.
  - c) Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
  - d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh khác trong Công ty ngoài các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức của HĐQT/Chủ tịch HĐQT theo phân cấp, ủy quyền của HĐQT/ Chủ tịch HĐQT.
  - e) Ký quyết định mức tiền lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với Quy chế tiền lương, các kế hoạch, phương án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và theo phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.
  - f) Tuyển dụng, sắp xếp lao động, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động, cho thôi việc đối với cán bộ công nhân viên theo phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.
  - g) Tổ chức công tác thống kê, kế toán, tài chính, xây dựng báo cáo quyết toán hàng năm; kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
  - h) Có trách nhiệm điều hành kinh doanh, sản xuất theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty, quyết định của HĐQT, phạm vi phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT và chịu sự kiểm tra của BKS Công ty. Nếu điều hành trái với quy định gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm cá nhân và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật.
  - i) Lập và trình HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh và tài chính chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở kế hoạch kinh doanh và tài chính dài hạn của Công ty.

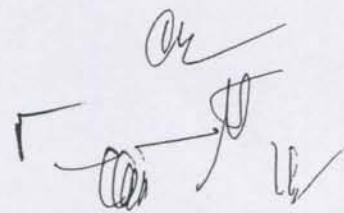


- j) Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm, quý, tháng của Công ty để phục vụ cho việc giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Các báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo thu nhập, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính, phải được trình HĐQT thông qua và bao gồm những thông tin theo quy định của Pháp luật và Công ty.
- k) Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo HĐQT và ĐHĐCĐ khi được yêu cầu.
- l) Thực hiện các công việc khác theo phân công, ủy quyền và chỉ đạo của HĐQT/ Chủ tịch HĐQT.

#### MỤC IV. BAN KIỂM SOÁT

##### Điều 38. Thành phần và nhiệm kỳ của BKS

1. BKS của Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam có 03 (ba) thành viên và có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Thành viên BKS do Đại hội đồng Cổ đông bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín.
2. Nhiệm kỳ của thành viên BKS là năm (05) năm. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
  - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.
5. Thành viên BKS không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty. Thành viên BKS không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của công ty. Trong BKS phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán.
6. Đề cử thành viên BKS:

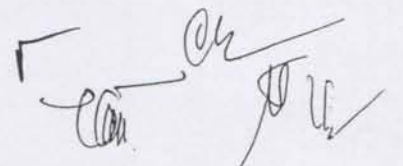


- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử người đề bầu vào BKS.
- b) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên; Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.
- c) Người trúng cử vào BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định. Trường hợp có từ 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.
7. Phiên họp đầu tiên của BKS để bầu Trưởng BKS bằng hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết; người được trúng cử Trưởng BKS phải đạt được quá bán số thành viên tán thành so với tổng số thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

### Điều 39. Quyền hạn, nhiệm vụ và nghĩa vụ của BKS

1. BKS có quyền và nhiệm vụ giám sát HĐQT, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý trong việc quản lý, điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Thường xuyên, định kỳ kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, toàn diện mọi mặt về công tác tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.
3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHCĐ, theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này.

4. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu; Sau khi kết thúc kiểm tra, trong thời hạn mười lăm (15) ngày, BKS phải báo cáo giải trình gửi đến HĐQT và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được làm cản trở hoạt động bình thường của HĐQT và/hoặc gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Kiến nghị HĐQT các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
6. Khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý khác có hành vi vi phạm các quy định của Pháp luật, các quy định nội bộ của Công ty, nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 46 của Điều lệ này, BKS phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả kịp thời.
7. BKS có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
8. Thành viên BKS có nghĩa vụ:
  - a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong khi thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
  - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Cổ đông và Công ty.
  - c) Trung thành với lợi ích của Cổ đông và Công ty, không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty và/hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ được giao và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
9. Trường hợp vi phạm các nghĩa vụ nêu tại khoản 8 của Điều này mà gây thiệt hại cho Cổ đông và/hoặc Công ty thì các thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó theo quy định của Pháp luật hiện hành. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ đều phải thu hồi và hoàn trả cho Công ty.
10. Trường hợp phát hiện thành viên BKS vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả kịp thời.
11. Được quyền tham dự các cuộc họp của HĐQT, được tham gia phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.



12. Các quyền, nhiệm vụ và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ.

#### **Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của BKS**

1. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT, thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu có liên quan phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT.
2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.
3. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, các chức danh quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của BKS.
4. BKS, thành viên BKS không được tiết lộ bí mật của Công ty, nếu vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật trong trường hợp vi phạm quy định này.

#### **Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng BKS**

1. Trưởng BKS có nhiệm vụ lập kế hoạch của BKS phù hợp với các nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm; có trách nhiệm báo cáo hoạt động của BKS trước ĐHĐCĐ.
2. Trưởng BKS được quyền dự các cuộc họp HĐQT, nhưng không có quyền biểu quyết.
3. Có quyền thay mặt BKS kiến nghị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khi thấy có dấu hiệu, hành vi thực hiện trái với Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Pháp luật, gây thiệt hại về tài sản, uy tín của Công ty.

#### **Điều 42. Miễn nhiệm, bãi miễn thành viên BKS**

1. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo tiêu chuẩn quy định tại khoản Điều 38 của Điều lệ này;
  - b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Có đơn xin từ chức;
  - d) Bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

2. Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình, gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế, đồng thời thành viên BKS gây ra thiệt hại phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty theo quy định.

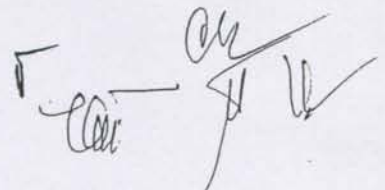
#### **Điều 43. Trình báo cáo hàng năm**

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau:
  - a) Báo cáo đầy đủ, toàn diện về tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính;
  - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
2. Báo cáo tài chính phải được kiểm toán trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định trong thời hạn ba mươi (30) ngày trước ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.
4. Báo cáo, tài liệu do HĐQT chuẩn bị, báo cáo thẩm định của BKS, báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất năm (05) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ thường niên Công ty.

### **CHƯƠNG IV - QUY ĐỊNH VỀ THÙ LAO VÀ NGHĨA VỤ THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 44. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, BKS.**

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, BKS và những người quản lý khác trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh và theo những quy định sau:
  - a) Tổng mức thù lao, ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS do ĐHĐCĐ quyết định, căn cứ theo số ngày công cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ, tính chất công việc và mức thù lao mỗi ngày;
  - b) Thành viên HĐQT, BKS có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo các quy định nội bộ của Công ty khi thực thi nhiệm vụ được giao;
  - c) HĐQT quyết định tiền lương, tiền thưởng của Tổng giám đốc và chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm.



2. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông.

#### **Điều 45. Các hợp đồng phải được ĐHĐCĐ, HĐQT chấp thuận**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được HĐQT chấp thuận:
  - a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của Cổ đông sở hữu trên 35% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ;
  - b) Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.
  - c) Doanh nghiệp quy định tại điểm (a) và điểm (b) khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc.
2. Đối với các quyết định đầu tư và dự án đầu tư có giá trị lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc Cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng với Công ty không có quyền biểu quyết về việc ký hợp đồng đó. HĐQT dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu tại ĐHĐCĐ hoặc có thể lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
3. Đối với các quyết định đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Thành viên HĐQT có người liên quan là bên ký kết hợp đồng không có quyền biểu quyết về việc ký kết hợp đồng đó.
4. Trường hợp những hợp đồng quy định tại khoản 2, 3 của Điều này được ký mà chưa được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận trước khi ký, thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải có trách nhiệm bồi thường.

#### **Điều 46. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty**

1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình, có nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của các Cổ đông và của Công ty theo đúng những quy định của Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và Luật doanh nghiệp;
  - b) Trung thành với lợi ích của Cổ đông và Công ty. Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, không được lạm dụng địa vị và quyền hạn của mình, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
2. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả, thì HĐQT, Tổng giám đốc không được tăng lương, không được trả thưởng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.
  3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG V - TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

Công ty được mở tài khoản tại các Ngân hàng trong nước và nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của Pháp luật và của nước sở tại.

### **Điều 48. Trích lập các quỹ**

1. Hàng năm lợi nhuận sau thuế được phân chia cho các quỹ: quỹ dự trữ tài chính, quỹ phát triển sản xuất kinh doanh, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.
2. Việc phân chia các quỹ do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định.

### **Điều 49. Cổ tức**

1. Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định và công bố căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả Cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty theo mức do HĐQT đề xuất và được ĐHĐCĐ thông qua, phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Việc chi trả Cổ tức được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

### **Điều 50. Năm tài chính và báo cáo tài chính của Công ty**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Riêng năm tài chính đầu tiên khi chuyển sang Công ty Cổ phần, bắt đầu từ ngày được cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

**Điều 51. Hệ thống kế toán**

Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

**CHƯƠNG VI - GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY**

**Điều 52. Giải thể Công ty**

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b) Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - d) Công ty không còn đủ số lượng Cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn liên tục 06 tháng.
2. Thủ tục giải thể Công ty: Khi Công ty bị giải thể, thủ tục giải thể và xử lý tài sản khi giải thể được tiến hành theo quy định của Pháp luật. Công ty chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

**Điều 53. Phá sản Công ty**

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

**CHƯƠNG VII - NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

**Điều 54. Công khai thông tin về Công ty**

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật kế toán và pháp luật có liên quan.
2. Tóm tắt nội dung Báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả Cổ đông thông qua website nội bộ của Công ty hoặc các phương tiện truyền thông.

**Điều 55. Người lao động, Tổ chức Đảng, Công Đoàn và các TCXH khác**

1. Người lao động đang làm việc tại Công ty theo chế độ hợp đồng lao động, khi chuyển sang làm việc ở Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam sẽ được ký lại hợp đồng lao động theo sự bố trí sắp xếp của Công ty; Công ty Cổ



phần Intimex Việt nam phải đảm bảo các chế độ, quyền lợi cho người lao động theo quy định của Pháp luật

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ và các tổ chức đoàn thể khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó; Công ty có trách nhiệm tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

## CHƯƠNG VIII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

### Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại giữa:
  - a) Một Cổ đông hoặc nhiều Cổ đông với Công ty;
  - b) Cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng giám đốc hoặc với các chức danh quản lý khác;

Các bên liên quan, trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp không liên quan đến HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch HĐQT sẽ là người chủ trì giải quyết tranh chấp và yêu cầu các bên phải giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh tranh chấp.

2. Trường hợp tranh chấp có liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì các bên liên quan được quyền chỉ định Tòa án cấp có thẩm quyền giải quyết.
3. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, thì một trong các bên có thể đưa ra Tòa án cấp có thẩm quyền để giải quyết. Trong trường hợp này, Công ty có quyền thuê luật sư là người đại diện trước pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng.

## CHƯƠNG IX - SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

### Điều 57. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

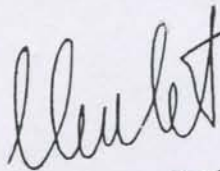
1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty phải được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí với tỷ lệ biểu quyết tán thành ít nhất là 75% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
2. Trường hợp những quy định của Pháp luật chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của những Nghị định, Thông tư mới ban hành, khác với những Điều quy định trong Điều lệ này, thì những quy định mới của Pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## CHƯƠNG X - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 58. Điều khoản thi hành

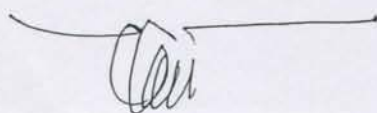
1. Điều lệ này gồm 10 chương 58 điều, đã được ĐHĐCĐ của Công ty nhất trí thông qua tại ĐHĐCĐ lần đầu ngày 15, 16 tháng 6 năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai vào ngày 18 tháng 9 năm 2012.
2. Điều lệ Công ty có hiệu lực từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.
3. Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT thì mới có giá trị.
4. Điều lệ được lập thành 10 bản, tất cả đều có giá trị như nhau, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và gửi cho các cơ quan chức năng theo quy định./.

#### Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN THỊ NGA

#### Các thành viên Hội đồng Quản trị



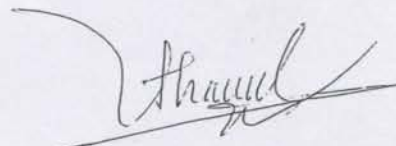
TRẦN QUỐC HOÀN



KHÚC THỊ QUỲNH LÂM



TRẦN NGỌC MINH



VŨ THỊ KIM THANH